**BẢNG 1: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 8**

**(BẢNG NÀY LẬP VÀ LƯU TRONG MÁY ĐỂ DÙNG TẠO RA BẢNG 2 KHI CẦN RA ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Hàm số và đồ thị****Phương trình** | ***Hàm số và đồ thị*** | **Nhận biết:** – Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số.– Nhận biết được đồ thị hàm số. | 1(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| **Thông hiểu:** – Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức.– Xác định được toạ độ của một điểm trên mặt phẳng toạ độ;– Xác định được một điểm trên mặt phẳng toạ độ khi biết toạ độ của nó. |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 5% |
| ***Hàm số bậc nhất y = ax + b* (*a* ≠*0*) *và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng y = ax + b* (*a* ≠*0*).** | **Nhận biết:** – Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0). | 1(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| **Thông hiểu:** – Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0). – Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước. |  |  |  |  |  | 1(0,5) |  |  | 5% |
|  | **Vận dụng:** – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0).– Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...). |  |  |  |  |  | 1(0,5) |  |  | 5% |
| **Vận dụng cao:**– Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán ***(phức hợp, không quen thuộc)*** thuộc có nội dung thực tiễn. |  |  |  |  |  |  |  | 1(0,5) | 5% |
| ***Phương trình bậc nhất*** | **Thông hiểu:** – Mô tả được phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 5% |
| **Vận dụng:**– Giải được phương trình bậc nhất một ẩn.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).  |  |  |  | 2(2,0) |  |  |  |  | 20% |
| **Vận dụng cao:**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất. |  |  |  |  |  |  |  | 1(0,5) | 5% |
| 2 | **Định lí Thalès trong tam giác** | ***Định lí Thalès trong tam giác*** | **Nhận biết:** – Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác.  | 1(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| **Thông hiểu**- Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó). – Giải thích được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo). – Giải thích được tính chất đường phân giác trong của tam giác.  |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 5% |
| **Vận dụng:**– Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). |  |  |  | 1(1,0) |  | 2(2,0) |  |  | 30% |
| **Tổng** |  | 1,5 | 0 | 1,5 | 3 | 0 | 3 | 0 | 1 | 10 |
| **Tỉ lệ %** |  | **15%** | **45%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60%** | **40%** | **100%** |

**BẢNG 2: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 8**

**(BẢNG NÀY LẬP VÀ LƯU TRONG MÁY ĐỂ DÙNG TẠO RA BẢNG 2 KHI CẦN RA ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Hàm số và đồ thị****Phương trình** | ***Hàm số và đồ thị*** | **Nhận biết:** – Nhận biết được đồ thị hàm số. ( Câu 1) | 1(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| **Thông hiểu:** – Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức.(Câu 2) |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 5% |
| ***Hàm số bậc nhất y = ax + b* (*a* ≠*0*) *và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng y = ax + b* (*a* ≠*0*).** | **Nhận biết:** – Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0).(Câu 3) | 1(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| **Thông hiểu:** – Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước. (Bài 2b) |  |  |  |  |  | 1(0,5) |  |  | 5% |
| **Vận dụng:** – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0). (Bài 2a) |  |  |  |  |  | 1(0,5) |  |  | 5% |
| **Vận dụng cao:**– Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán ***(phức hợp, không quen thuộc)*** thuộc có nội dung thực tiễn. (Bài 2c) |  |  |  |  |  |  |  | 1(0,5) | 5% |
| ***Phương trình bậc nhất*** | **Thông hiểu:** – Mô tả được phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. (Câu 4) |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 5% |
| **Vận dụng:**– Giải được phương trình bậc nhất một ẩn. ( Bài 1a)– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...). (Bài 3) |  |  |  | 2(2,0) |  |  |  |  | 20% |
| **Vận dụng cao:**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất. (Bài 1b) |  |  |  |  |  |  |  | 1(0,5) | 5% |
| 2 | **Định lí Thalès trong tam giác** | ***Định lí Thalès trong tam giác*** | **Nhận biết:** – Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác. (Câu 5) | 1(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| **Thông hiểu**– Giải thích được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo). (Câu 6) |  |  | 1(0,5) |  |  |  |  |  | 5% |
| **Vận dụng:**– Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. (Bài 4)– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). (Bài 5) |  |  |  | 1(1,0) |  | 2(2,0) |  |  | 30% |
| **Tổng** |  | 1,5 | 0 | 1,5 | 3,0 | 0 | 3 | 0 | 1 | 10 |
| **Tỉ lệ %** |  | **15%** | **45%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60%** | **40%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THC YÊN LỘC** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** **MÔN TOÁN 8***Thời gian làm bài: 90 phút* |

**I. Trắcnghiệm.** (3,0 điểm) Phương án trả lời nào sau đây là đúng ?

**Câu 1:** Đồ thị hàm số  có dạng như thế nào?

1. Một đoạn thẳng B. Một đường thẳng C. Một tia D. Một điểm

**Câu 2:** Cho hàm số .Tính  ta được.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. 4
 | 1. 10
 | 1. 3
 | 1. - 4
 |

**Câu 3:** Hệ số góc của đường thẳng y = -5x +3 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. -5
 |       B.  |  C. 5  | D. 3        |

**Câu 4:**  Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất một ẩn?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.-0x + 3 = 0 |       B. x2 + 3x - 2 = 0 | C. x+2y = 0  | D. 2x – 1 = 0        |

**Câu 5 : MN là đường trung bình của tam giác ABC nếu**

 A . M là trung điểm của AB B. N là trung điểm AC

 C . M, N lần lượt là trung điểm của AB và AC D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 6:** Cho hình vẽ biết DE song song với BC. Hãy trọn khẳng định sai trong các khẳng định sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|   |  |  |

**II. Tự luận.** (7,0 điểm)

**Bài 1.** (1,0điểm)Giải các phương trình sau:

a)  b) 

**Bài 2.** (1,5 điểm)

 a) Vẽ đồ thị của hàm số y = x + 3.

 b). Cho hàm sốvớilà tham số. Tìm m để đồ thị hàm số song song với đường thẳng.

 c) Chị A là công nhân may mặc của Xí nghiệp X. Người ta nhận thấy số áo x (cái áo) may được trong một tháng và số tiền y (đồng) nhận được trong tháng đó liên hệ với nhau bởi hàm số y = ax + b có đồ thị như trong hình vẽ sau:



 Hỏi nếu muốn nhận lương 14 000 000 đồng thì chị A phải may bao nhiêu cái áo?

**Bài 3.** (1,5 điểm)

Hai anh Minh và Quang góp vốn kinh doanh. Anh Minh góp 150 triệu đồng, Anh Quang góp 140 triệu đồng. Sau một thời gian được lãi 58 triệu đồng, Tiền lãi được chia tỉ lệ với vốn đã góp. Em hãy tính tiền lãi mà mỗi anh được hưởng.

**Bài 4.** (2,0 điểm) Cho ∆ABC có  Trên dường cao AH lấy các điểm I và K sao cho AK = KI = IH. Qua I kẻ đường thẳng song song với BC cắt AB và AC lần lượt tại P và Q, qua K kẻ đường thẳng song song với BC cắt AB và AC lần lượt tại M và N .

a) Tính độ dài MN.

b) Tính diện tích tứ giác MNQP, biết rằng diện tích của tam giác ABC là 360cm2

**Bài 5.** (1,0 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| Hình vẽ bên thể hiện cách đo khoảng cách giữa hai bờ sông mà không cần qua bờ bên kia. Nhìn hình vẽ đã cho hay tính khoảng cách AB = x theo   | **D:\NGUYỄN VĂN NHƯ\TÀI LIỆU GD\ĐỀ KT, ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP\KT Lop 8\BK II\z3462433586362_a7428ae7372c0aa7d3da89410f6ef407.jpg** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

 **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BÁN KÌ II**

**Nămhọc: 2022 – 2023**

**MÔN: TOÁN LỚP 8**

**I. Trắcnghiệm. (3 điểm)** -Mỗi ý đúngcho 0,5 điểm.

 - Phươngántrảlờiđúnglà:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 |
| B | B | A | C | C | D |

**II. Tựluận.** (8 điểm)

| **BÀI** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| --- | --- | --- |
| **Bài 1** *(1,0 điểm)* | a) KQ: x = -2  | 0,5 |
| b) KQ: x =   | 0,5 |
| **Bài 2** *(1,5 điểm)* | a) Vẽ đồ thị của hàm số y = x + 3. |  |
| - LậpluậntìmđượchaiđiểmA(-3;0) và B(0;3) thuộcđồthịcủahàmsố y = x + 3 | 0,25 |
| - Vẽđượcđườngthẳngđi qua haiđiểm A và B | 0,25 |
| b) Để đồ thị hàm số  (1) song songvớiđườngthẳng thì  | 0,25 |
| thìđồ thị hàm số song songvớiđườngthẳng. | 0,25 |
| c) Xácđịnhđượccông thức của hàm số là: y = 4000x + 8 000 000Thay y = 14 000 000 ta được x = 1500 | 0,25 |
| Vậy chị A phải may 1500 cái áo. | 0,25 |
| **Bài 3** *(1,5 điểm)* | Gọi số tiền lãi mà Anh Minh được hưởng là x (triệu đồng, 0 < x < 58) | 0,25 |
|  Số tiền lãi mà Anh Quang được hưởng sẽ là  (triệu đồng) |  0,25 |
| Vì số tiền lãi mà Anh Minh và Anh Quang được hưởng tỉ lệ với vốn đã góp nên ta có phương trình: | 0,25 |
| Giải PT ta được  | 0,5 |
| Với  thỏa mãn điều kiện của x Vậy số tiền lãi mà Anh Minh nhận được là 30 (triệu đồng)Số tiền lãi mà Anh Quang nhận được là 58 – 30 = 28 (triệu đồng) | 0,25 |
| **Bài 4** *(2,0 điểm)* | Hình vẽ đúng  | 0,5 |
| a) Áp dụng định lí Ta- let tính đúng MN = 6cm | 0,75 |
| b) Tính đúng được diện tích tứ giác MNQP = 120 cm2 | 0,75 |
| **Bài 5** *(1,0 điểm)* | Sử dụng định lý Ta-let tính đúng   | 1,0 |